

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 6289/QĐ-UBND

Tri Tôn, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trần Văn Luân địa chỉ tại khóm 2, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng  
Địa điểm: Thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Trần Văn Luân địa chỉ tại khóm 2, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2024/TTr-PTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Trần Văn Luân để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là: **1.090.023.408** đồng, gồm các khoản sau đây:

- Bồi thường chi phí về đất: **431.448.696** đồng, cụ thể:

+ Đất ở tại đô thị (ODT - VT1) :  $125,67 \text{ m}^2 \times 2.467.000 \text{ đ/m}^2 = 310.027.890 \text{ đ}$   
+ Đất ở tại đô thị (ODT - VT2) :  $82,03 \text{ m}^2 \times 1.480.200 \text{ đ/m}^2 = 121.420.806 \text{ đ}$

- Bồi thường chi phí về nhà và vật kiến trúc: **526.848.298** đồng.

+ Nhà ở (98,5% - Loại 3.1)	:	98,0 m <sup>2</sup> x 3.794.220 đ/m <sup>2</sup>	= 371.833.560 đ
+ Sàn lửng nhà ở (50% - Loại 3.3)	:	28,5 m <sup>2</sup> x 1.386.500 đ/m <sup>2</sup>	= 39.515.250 đ
+ Mái che trước (69% Loại 3.3)	:	19,0 m <sup>2</sup> x 1.913.370 đ/m <sup>2</sup>	= 36.354.030 đ
+ Bàn thông thiên ốp gạch ceramic	:	1,0 trụ x 640.618 đ/trụ	= 640.618 đ
+ Điện kế ở đô thị	:	1,0 cái x 1.295.000 đ/cái	= 1.295.000 đ
+ Thủy lực kế ở đô thị	:	1,0 cái x 462.000 đ/cái	= 462.000 đ
+ Sàn công son BTCT (Cầu dẫn BTCT)	:	8,0 m <sup>2</sup> x 832.000 đ/m <sup>2</sup>	= 6.656.000 đ
+ Bó nền xây đá hộc (Loại A)	:	64,96 m <sup>3</sup> x 1.079.000 đ/m <sup>3</sup>	= 70.091.840 đ

- Bồi thường chi phí về cây trồng: **11.375.000** đồng.

+ Mít (Loại D)	:	2,0 cây x 67.500 đ/cây	= 135.000 đ
+ Ôi (Loại B)	:	2,0 cây x 160.000 đ/cây	= 320.000 đ
+ Dừa cao sản (Loại B)	:	2,0 cây x 525.000 đ/cây	= 1.050.000 đ
+ Đu đủ (Loại B)	:	2,0 cây x 112.000 đ/cây	= 224.000 đ
+ Xoài (Loại C)	:	1,0 cây x 600.000 đ/cây	= 600.000 đ
+ Chuối có buồng (Loại A)	:	4,00 cây x 80.000 đ/cây	= 320.000 đ
+ Chuối sắp trở buồng (Loại B)	:	12,0 cây x 38.000 đ/cây	= 456.000 đ
+ Chuối mới trồng (Loại C)	:	10,0 cây x 12.000 đ/cây	= 120.000 đ
+ Khóm bụi có trái (Loại A)	:	10,0 cây x 15.000 đ/cây	= 150.000 đ
+ Keo lá tràm (Loại C)	:	4,0 cây x 2.000.000 đ/cây	= 8.000.000 đ

- Bồi thường chi phí di chuyển chỗ ở: **10.000.000** đồng.

+ Thu hồi diện tích sàn từ 50 - 100m <sup>2</sup>	:	01 hộ x 10.000.000 đ/hộ	= 10.000.000 đ
---	---	-------------------------	----------------

- Bồi thường chi phí tiền thuê nhà: **7.200.000** đồng.

+ Hộ có từ 04 nk trở xuống	:	01 hộ x 1.200.000 đ/hộ/tháng x 06 tháng	= 7.200.000 đ
----------------------------	---	---	---------------

- Các chính sách hỗ trợ: **103.151.414** đồng.

+ Hỗ trợ san lấp mặt bằng (San lấp đất)	:	292,5 m <sup>3</sup> x 128.236 đ/m <sup>3</sup>	= 37.509.030 đ
+ Hỗ trợ san lấp mặt bằng (San lấp đất)	:	44,0 m <sup>3</sup> x 128.236 đ/m <sup>3</sup>	= 5.642.384 đ
+ Hỗ trợ tự lo tái định cư	:	1,0 hộ x 60.000.000 đ/hộ	= 60.000.000 đ

2. Trường hợp hộ ông (bà) Trần Văn Luân di dời, bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định thì được khen thưởng: **15.000.000** đồng.

**Điều 2.** - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn.

- Hộ ông (bà) Trần Văn Luân được nhận tiền bồi thường tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Hộ ông (bà) Trần Văn Luân có trách nhiệm phải di dời, giải phóng mặt bằng theo đúng thời gian quy định là **30** ngày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Nếu không thống nhất với nội dung Quyết định này thì hộ ông (bà) Trần Văn Luân nộp đơn khiếu nại tại Ban Tiếp công dân huyện Tri Tôn trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

- Trong khi chưa có Quyết định giải quyết khiếu nại thì hộ ông (bà) Trần Văn Luân vẫn chấp hành Quyết định thu hồi đất, bàn giao đất theo đúng kế hoạch. Nếu quá thời hạn quy định theo thông báo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà hộ ông (bà) Trần Văn Luân không chấp hành thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Chánh Thanh tra huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn và hộ ông (bà) Trần Văn Luân chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND-UBND huyện;
- Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Phòng TN&MT;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Trí**